

Ngày	24,900 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.6%	6.6%	19.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,400 - 25,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,202
Số lượng CPLH (CP)	851,495,793
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,063,295
Sở hữu nước ngoài	12.6%
Beta	1.92
EPS	625
P/E	39.9

DT thuần

Q1/24

6,660

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,445| -17.8%

YoY: ▲ 250| 3.9%

LN trước thuế

Q1/24

385

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 375| 3777%

YoY: ▲ 241| 167%

LN sau thuế

Q1/24

253

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 333| 418%

YoY: ▲ 219| 639%

ROA

2023

0.6%

DT thuần

2023

29,998

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,091| -6.5%

LN trước thuế

2023

1,397

tỷ VNĐ

YoY: ▼684| -32.9%

LN sau thuế

2023

864

tỷ VNĐ

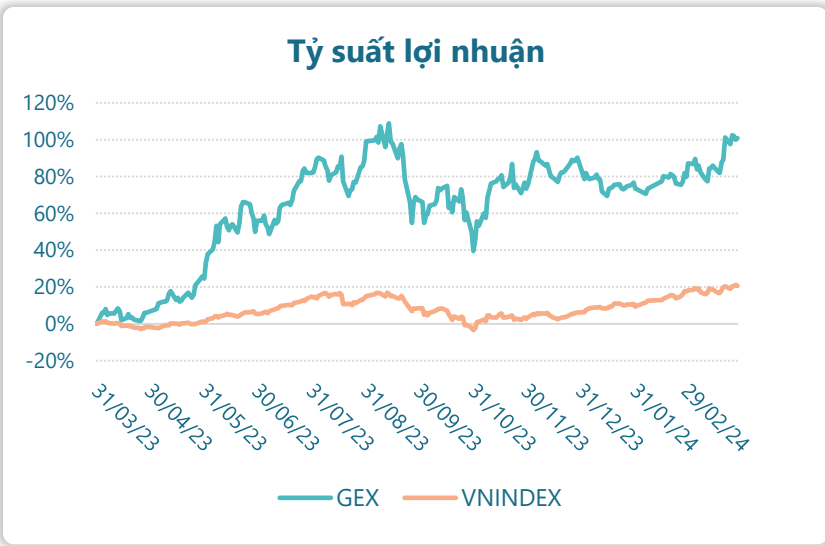
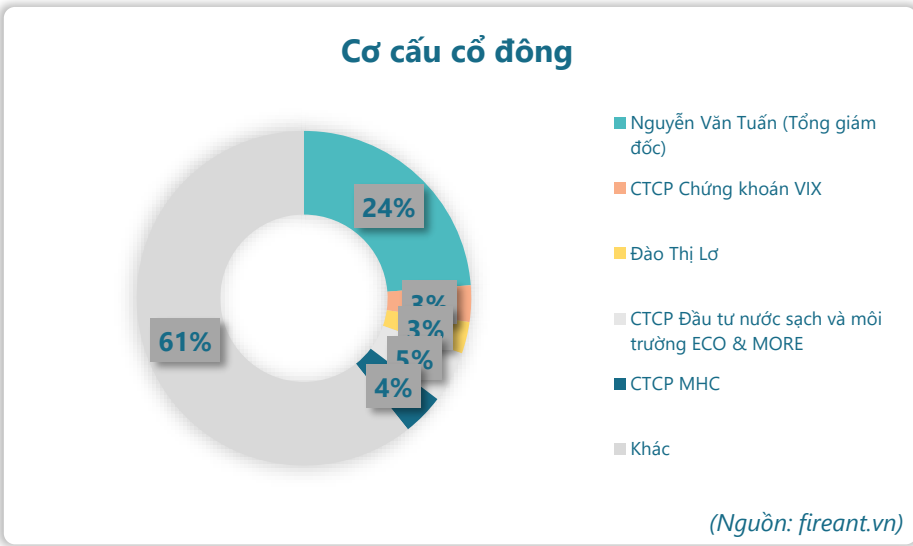
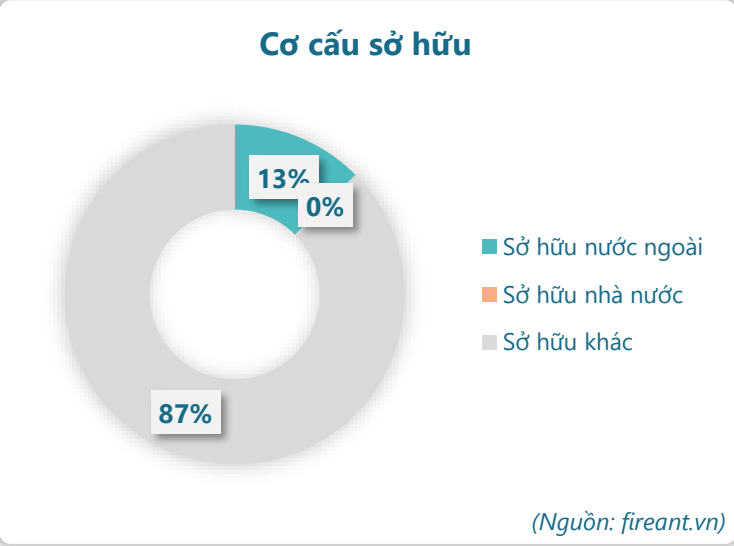
YoY: ▼668| -43.6%

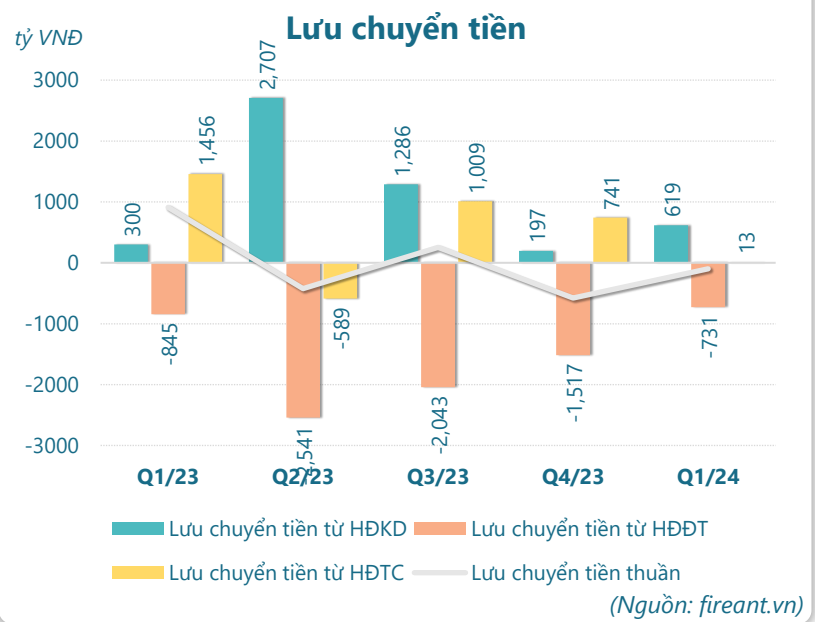
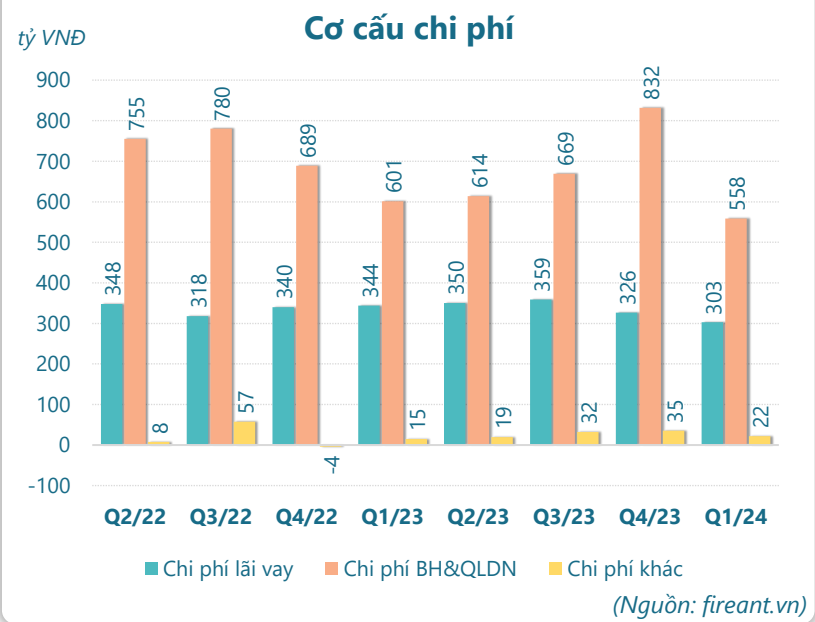
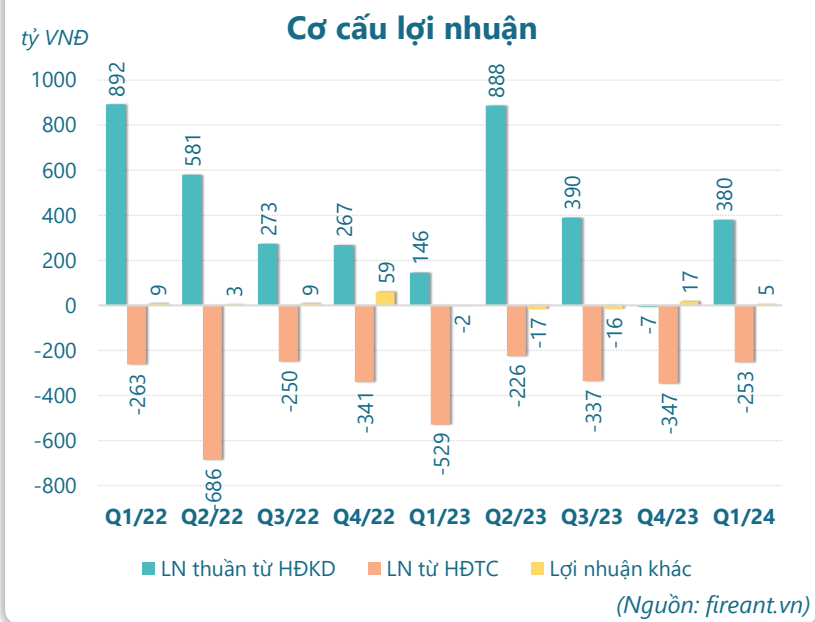
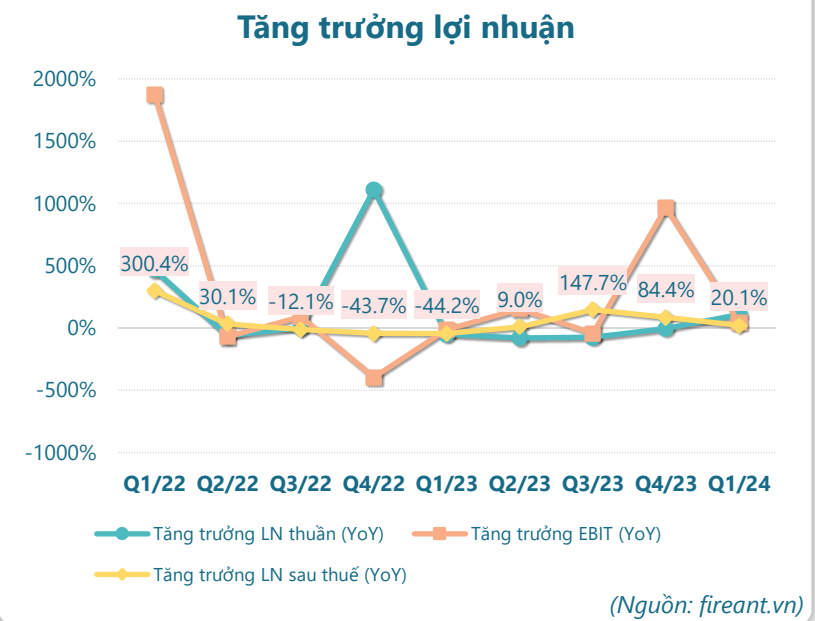
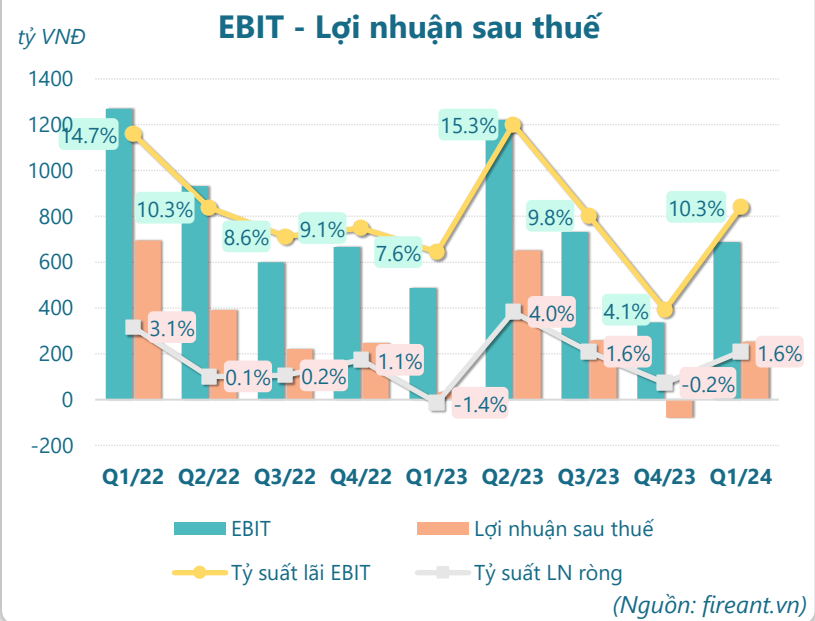
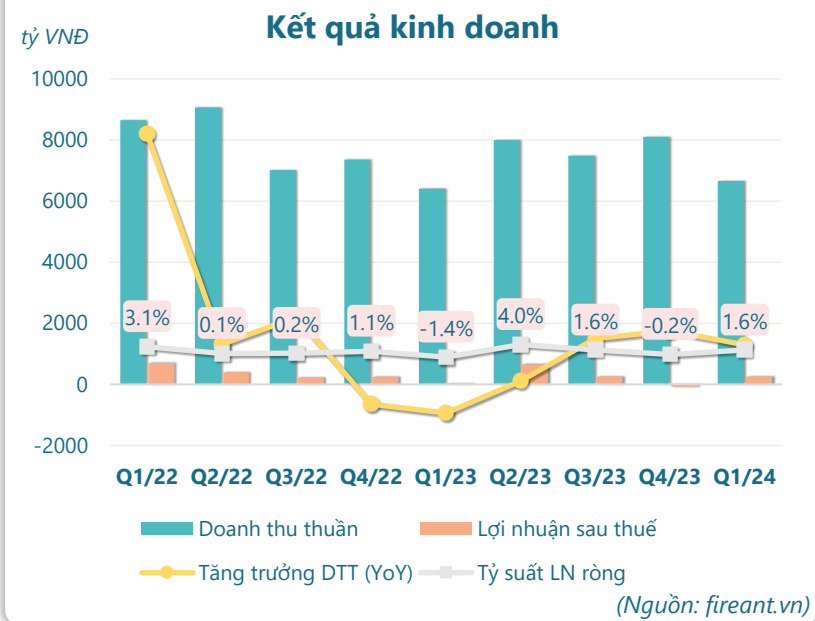
ROE

2023

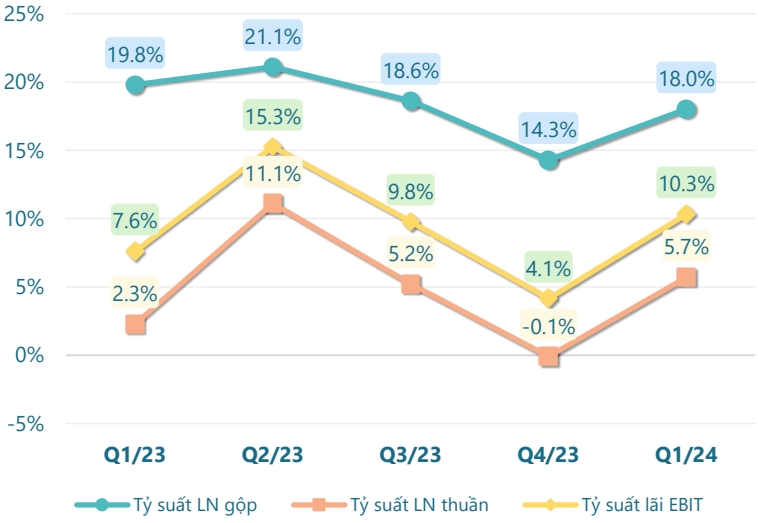
1.6%

+/- YoY: ▼ 0.2%



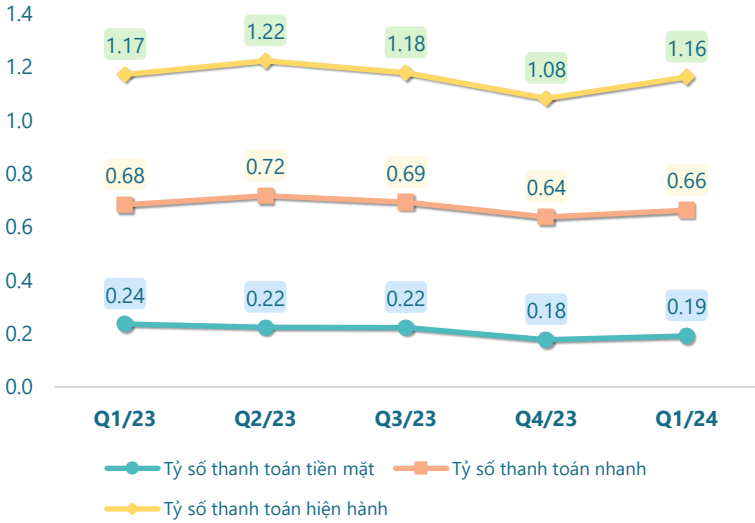


Tỷ suất lợi nhuận



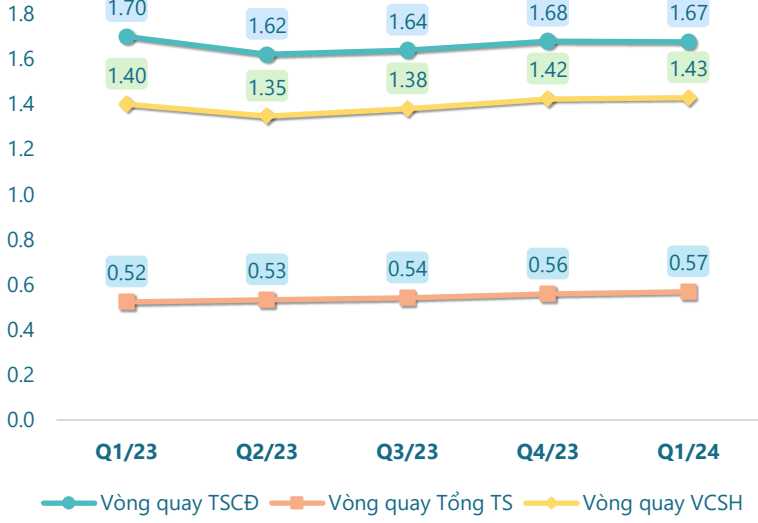
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



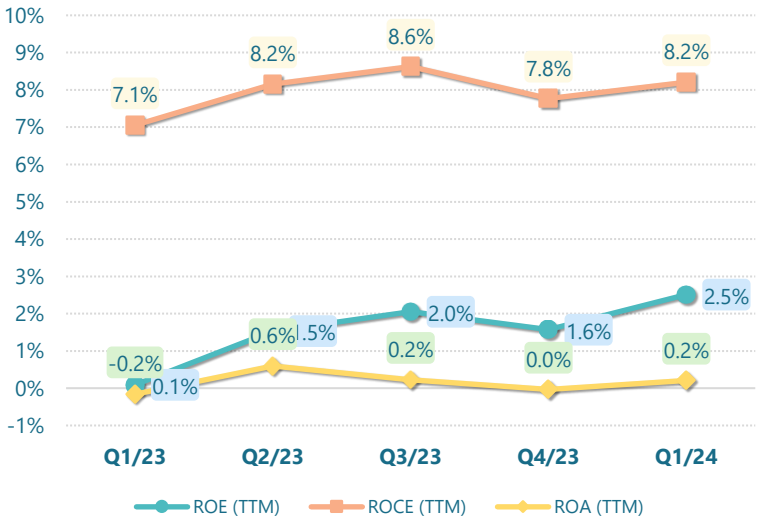
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



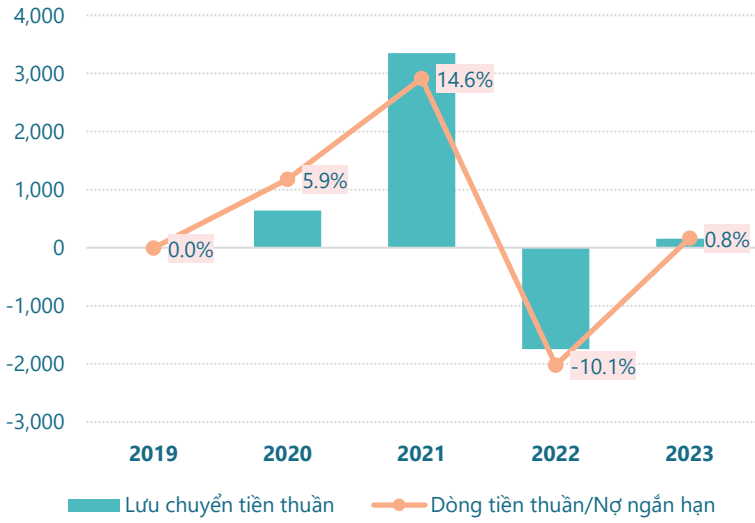
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



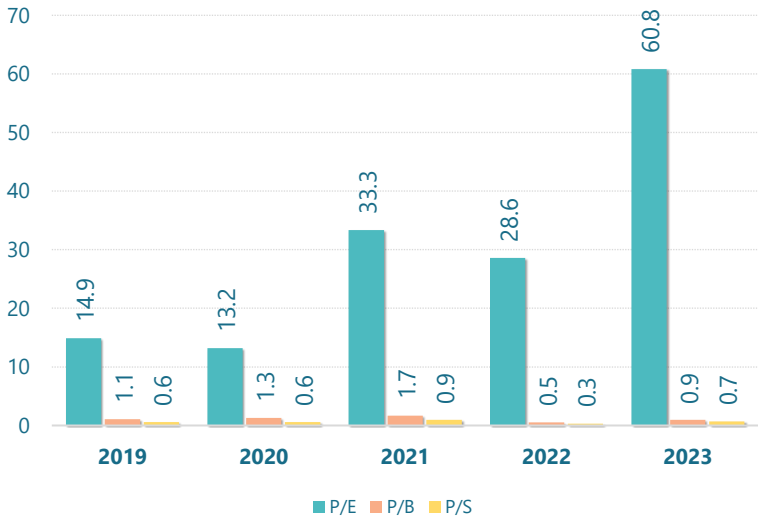
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)